

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam giảm điểm mạnh tương đồng với diễn biến của thị trường thế giới

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL đồng loạt giảm mạnh trong phiên hôm nay, tương đồng với diễn biến tiêu cực của thị trường chứng khoán thế giới

[Thông tin doanh nghiệp]

SSI, DPR

[Cập nhật công ty]

TCB

[Quan điểm đầu tư]

Sau khi đã bán bớt một phần vị thế ngắn hạn, NĐT có thể giải ngân trở lại khi chỉ số kiểm định hoặc chớm phá vùng đáy ngắn hạn nhưng cần khống chế tỷ trọng ở mức vừa phải, tương ứng với mức chấp nhận rủi ro.

09/05/2021

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,269.62	-4.49
VN30	1,314.04	-4.31
HĐTL VN30F1M	1,308.10	-3.96
HNXIndex	323.39	-5.84
HNX30	550.49	-7.25
UPCoM	96.50	-5.28
USD/VND	22,952	-0.03
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	3.11	+3
Lãi suất qua đêm (%)	1.60	-5
Dầu (WTI, \$)	107.95	-1.66
Vàng (LME, \$)	1,864.17	-1.04

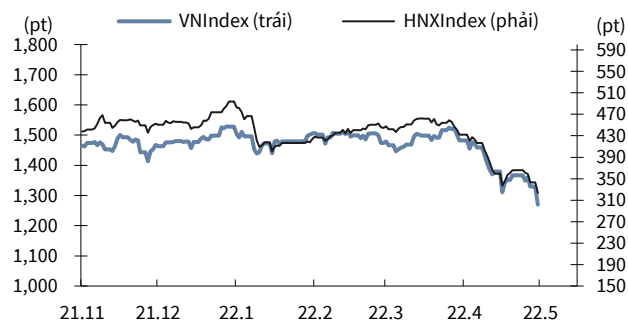


Điểm nhấn thị trường

VNIndex	1,269.62 (-4.49%)
KLGD (triệu CP)	673.8 (+40.3%)
GTGD (triệu US\$)	817.7 (+10.4%)
HNXIndex	323.39 (-5.84%)
KLGD (triệu CP)	98.4 (+56.4%)
GTGD (triệu US\$)	82.2 (+31.4%)
UPCoM	96.50 (-5.28%)
KLGD (triệu CP)	50.3 (-20.1%)
GTGD (triệu US\$)	35.5 (+24.0%)
NĐTNN mua ròng (triệu US\$)	+27.1

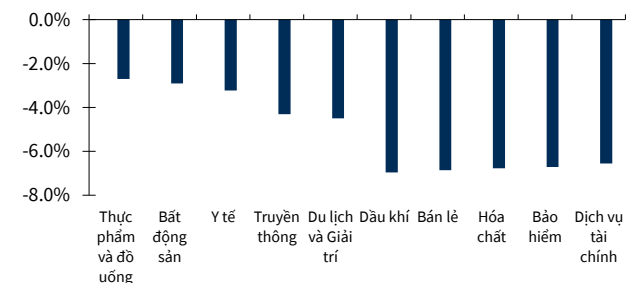
TTCK Việt Nam giảm điểm mạnh tương đồng với diễn biến của thị trường thế giới khi các nhà đầu tư lo ngại rằng với các đợt nâng lãi suất của Fed, có thể gây ra một cuộc suy thoái trong ngắn hạn là không thể tránh khỏi. Cục Chăn nuôi (Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - NNPTNT) cho biết giá cám tăng là đòn nặng nề “đánh” vào ngành chăn nuôi, bởi hầu hết người nuôi đang không có lãi, cổ phiếu ngành chăn nuôi giảm ở DBC (-6.9%), MML (-4.2%). Hiệp hội Bất động sản TP HCM (HoREA) cho biết ngay lập tức siết chặt cả nguồn vốn tín dụng lẫn nguồn vốn trái phiếu doanh nghiệp vào thị trường bất động sản thì các nhà đầu tư, người tiêu dùng và cả các tổ chức tín dụng... đều có thể gặp khó khăn và rủi ro, cổ phiếu ngành bất động sản giảm ở DXG (-6.9%), NLG (-7%). Hiệp hội Phân bón Việt Nam (FAV) cho rằng doanh nghiệp phân bón NPK khó cạnh tranh nếu thuế xuất khẩu tăng lên 5%, cổ phiếu ngành phân bón giảm ở DPM (-6.9%), DCM (-7.0%). Khối ngoại mua ròng ở VHM (-1%), HPG (-4.4%), GMD (-4.6%).

VNIndex & HNXIndex



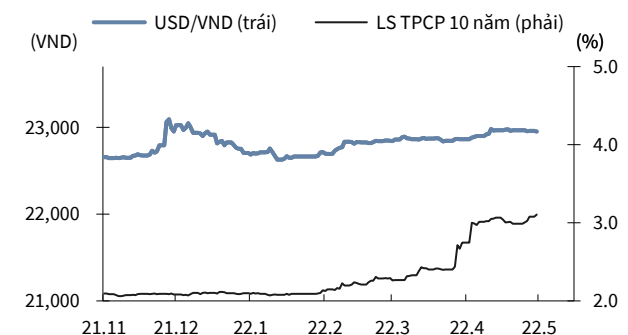
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



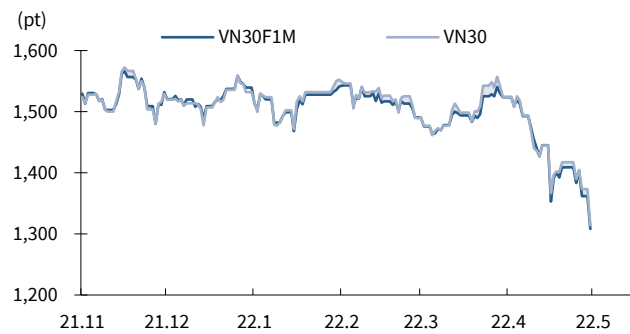
Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,314.04 (-4.31%)
VN30F1M	1,308.1 (-3.96%)
Mở cửa	1,353.7
Cao nhất	1,355.8
Thấp nhất	1,300.0
KLGD (HĐ)	331,497 (+9.7%)

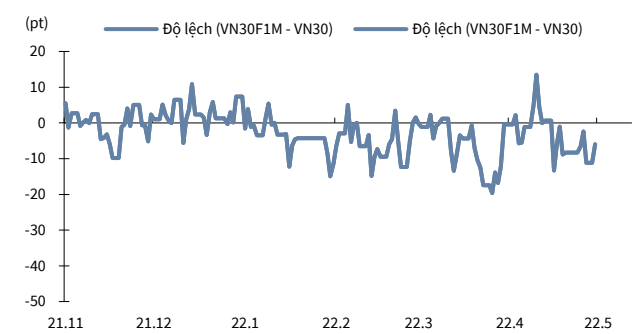
Các HĐTL đồng loạt giảm mạnh trong phiên hôm nay, tương đồng với diễn biến tiêu cực của thị trường chứng khoán thế giới. Chênh lệch F2205 và chỉ số VN30 giảm thấp nhất phiên trong đầu phiên sáng tại mức -24.1 điểm sau đó tăng dần và biến động quanh mức 0 trước sự giằng co của bên mua và bên bán và đóng cửa giảm xuống mức -5.9 điểm. Khối ngoại giao dịch cân bằng trong phiên hôm nay với thanh khoản thị trường tiếp tục tăng.

HĐTL VN30F1M & VN30



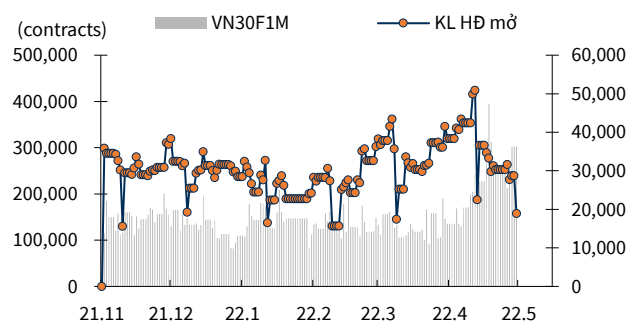
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



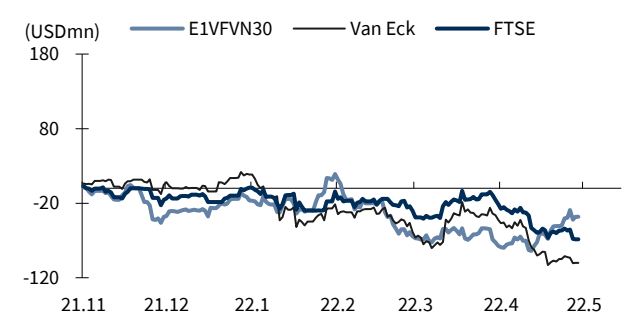
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

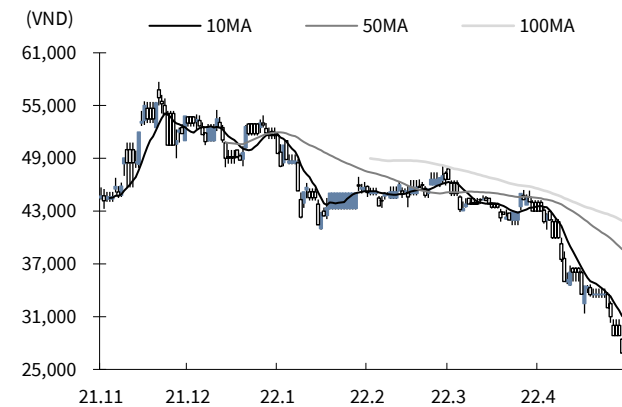
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

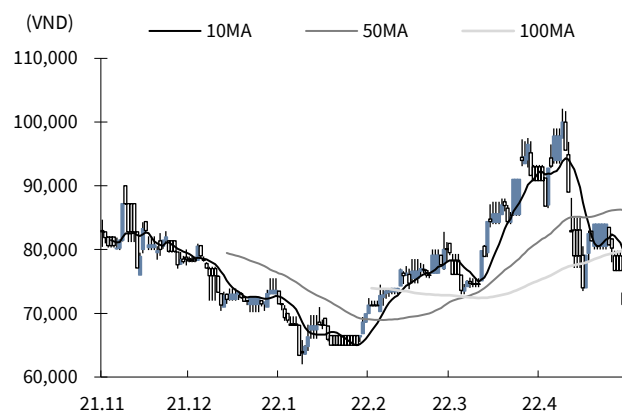
CTCP Chứng khoán SSI (SSI)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- SSI giảm 6.93% xuống 26,850 VND/cp
- SSI đặt kế hoạch năm 2022 doanh thu 10,330 tỷ đồng, tăng 31% và lợi nhuận trước thuế 4,370 tỷ đồng, tăng 30% so với thực hiện năm trước. Công ty có kế hoạch chào bán tối đa hơn 104 triệu cổ phiếu riêng lẻ, SSI dự kiến tăng vốn lên 15,962 tỷ đồng.
- Quý I, SSI đạt 2,068 tỷ đồng doanh thu và 883 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, tăng 36% và 67% so với cùng kỳ năm trước.

CTCP Cao su Đồng Phú (DPR)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- DPR giảm 6.91% xuống 71,900 VND/cp
- Cao su Đồng Phú công bố kết quả kinh doanh quý I với doanh thu tăng nhẹ 1.2% so với cùng kỳ năm trước đạt 204 tỷ đồng. DPR cho biết sản lượng tiêu thụ quý I đạt 2,164 tấn, tăng 29.3% so với quý I/2021. Song, giá bán cao su bình quân giảm từ 46.5 triệu đồng/tấn xuống 42.2 triệu đồng/tấn, tức giảm 9.2%. Mặt khác, doanh thu hoạt động cho thuê bất động sản ở công ty con (Công ty cổ phần Khu công nghiệp Bắc Đồng Nai) cũng giảm.

Techcombank (TCB)

KQKD Quý 1 duy trì sự khả quan

Chuyên viên Phân tích Tài chính

Nguyễn Đức Huy

huynd1@kbsec.com.vn

09/05/2022

LNTT 1Q2022 tăng 22.9%YoY, đạt 6,785 tỷ đồng.

TCB ghi nhận thu nhập lãi thuần quý 1 đạt 8,111 tỷ VND (+11.9%QoQ và +32.4%YoY), thu nhập ngoài lãi đạt 2,000 tỷ VND (-31.4%QoQ và -28.8%YoY). Chi phí dự phòng 1Q2022 chỉ khoảng 218 tỷ VND, giảm mạnh 74%YoY. Nhờ đó, LNTT 1Q2022 tăng khoảng 22.9%YoY và 10.5%QoQ, đạt 6,785 tỷ đồng.

NIM 1Q2022 đạt 5.9%, tăng 26bps QoQ và tương đương cùng kỳ.

Lợi suất đầu ra bình quân 1Q2022 có dấu hiệu hồi phục khi tăng 36bps QoQ, đạt 7.65% nhờ lợi suất các khoản đầu tư chứng khoán cải thiện 82bps QoQ, lợi suất bình quân từ hoạt động cho vay vẫn giảm nhẹ 5bps QoQ do ngân hàng hạn chế giải ngân vào lĩnh vực bất động sản. Lãi suất đầu vào bình quân chỉ tăng nhẹ 14bps QoQ, đạt 2.15%. Biên lãi thuần 1Q2022 tiếp tục cải thiện 26bps QoQ lên mức 5.9%.

Tăng trưởng tín dụng và huy động vốn lần lượt đạt 9.3%YTD và 8.4%YTD.

Tăng trưởng cho vay khách hàng ở mức 5.3%YTD trong khi hoạt động đầu tư trái phiếu tiếp tục được đẩy mạnh, tăng 23.7%YTD. Tín dụng từ đó tăng 9.3%YTD. Huy động từ thị trường liên ngân hàng tăng mạnh 22.7%YTD, tiền gửi khách hàng và giấy tờ có giá lần lượt tăng nhẹ ở mức 4.5%YTD và 2.8%YTD

Chất lượng tài sản 1Q2022 duy trì sự khả quan.

Tỷ lệ nợ xấu 1Q2022 gần như không tăng so với cuối năm 2021, đạt 0.67%. Tỷ lệ bao phủ nợ xấu chỉ giảm nhẹ 2 điểm %, đạt 160.8% - vẫn ở mức cao so với ngành. Nợ tái cơ cấu tiếp tục giảm 300 tỷ VND xuống còn 1,600 tỷ VND (chiếm 0.5% tổng dư nợ).

Các dự án của Vinhomes và Masterise sẽ thúc đẩy cho vay mua nhà nửa cuối năm.

Hoạt động cho vay bất động sản của Techcombank vẫn còn đang rất hạn chế trong 2Q2022. Do đó, ngân hàng sẽ đẩy mạnh giải ngân vào nửa cuối năm để bù đắp cho 6 tháng đầu năm nhờ các dự án của Vinhomes và Masterise đã bắt đầu mở bán.

Khuyến nghị MUA, giá mục tiêu 65,600 VND/cp

Sử dụng 2 phương pháp định giá P/B và Chiết khấu lợi nhuận thặng dư, chúng tôi đưa ra mức giá mục tiêu cho năm 2022 của cổ phiếu TCB là 65,000 VND/cp, cao hơn 56.6% so với giá tại ngày 06/05/2022. Khuyến nghị MUA.

MUA

Giá mục tiêu	VND 65,000
Tăng/giảm	56.6%
Giá hiện tại (05/05/2022)	42,000
Giá mục tiêu thị trường	67,800
Vốn hóa thị trường (tỷ VND)	148,160

Dữ liệu giao dịch

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	84.54%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND)	390/0.18
Sở hữu nước ngoài (%)	22.47%
Cơ cấu cổ đông	MSN (14.96%)

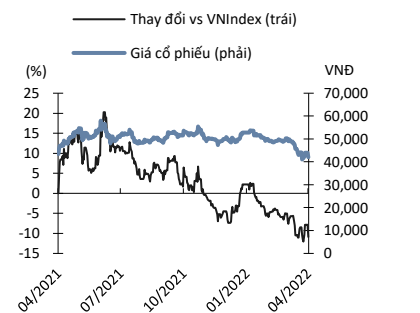
Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	-4.8	-16.8	-24.3	-18.6
Tương đối	-2.6	-7.8	-16.5	-21.0

Dự phóng KQKD & định giá

Cuối năm tài chính	2020A	2021A	2022F	2023F
Thu nhập lãi thuần (tỷ VND)	18,751	26,699	34,290	40,463
LN trước CF DPRRD (tỷ VND)	18,411	25,903	31,399	38,247
LNST ngân hàng mẹ (tỷ VND)	12,325	18,052	22,817	26,247
EPS	3,515	5,137	6,466	7,402
Tăng trưởng EPS (%)	22.4%	46.1%	25.9%	14.5%
PER (x)	8.95	9.71	10.06	8.79
Giá trị sổ sách/CP (BVPS)	20,392	25,476	32,185	39,334
PBR (x)	1.54	1.96	2.02	1.65
ROE (%)	18.4%	22.0%	22.0%	20.3%
Tỷ lệ cổ tức (%)	0%	0%	0%	0%

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

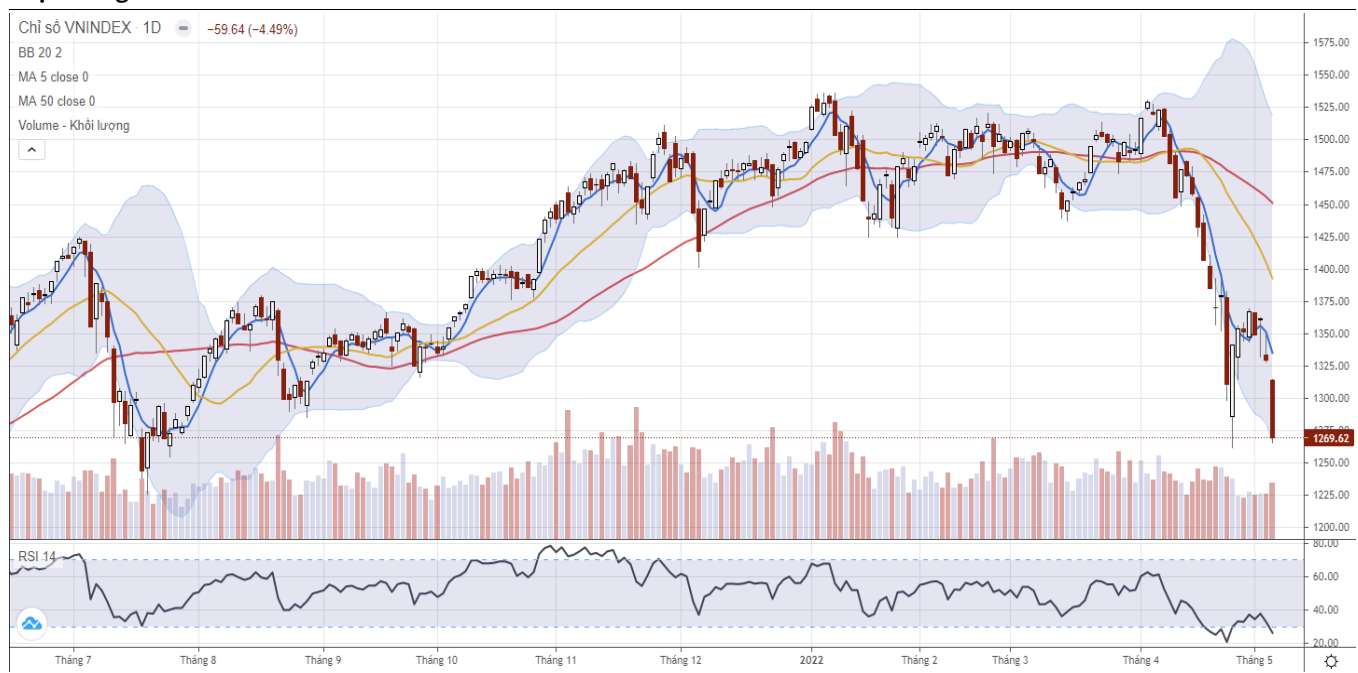


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



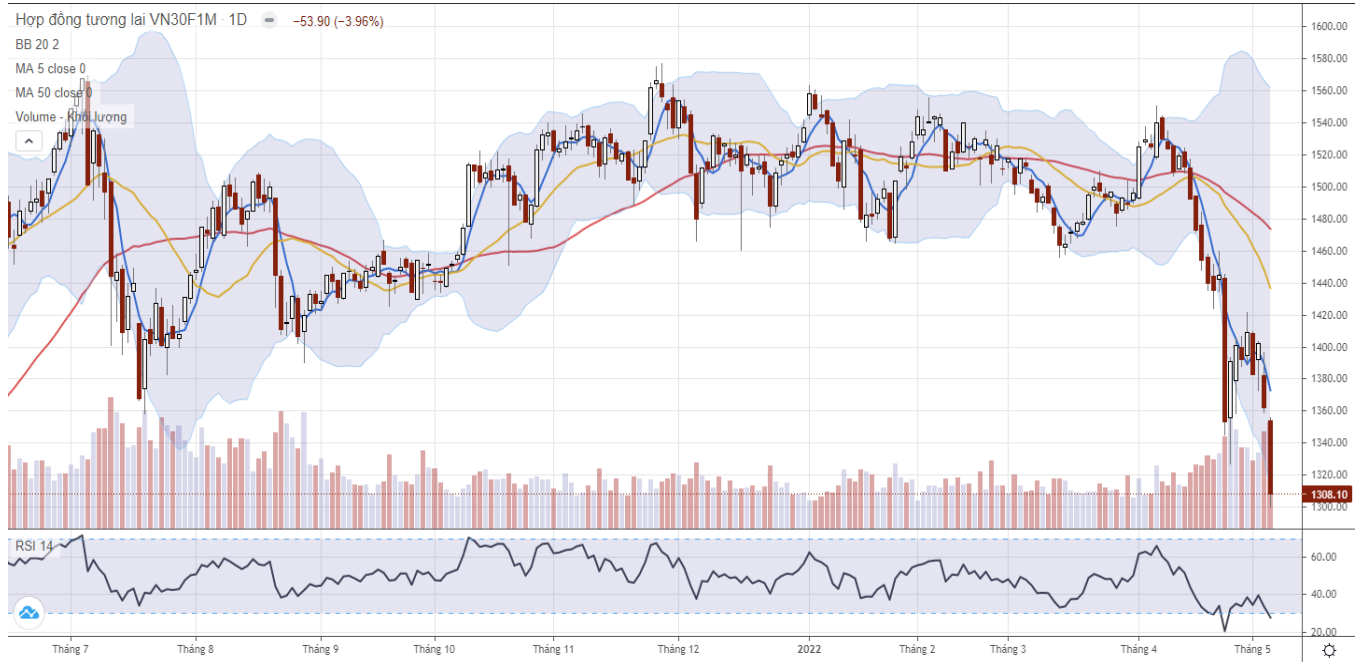
Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex mở gap giảm điểm ngay từ đầu phiên và tiếp tục lao dốc đến cuối phiên.
- Áp lực bán gia tăng cùng với lực cầu suy yếu khiến cho chỉ số đánh mất vùng hỗ trợ quan trọng quanh 1320 (+10). Trong kịch bản VNIndex không giữ được đáy ngắn hạn, chỉ số nhiều khả năng sẽ mở rộng nhịp điều chỉnh xuống các vùng hỗ trợ sâu hơn quanh 1220-1240 nhằm tìm kiếm lực cầu bắt đáy trước khi xuất hiện nhịp hồi phục trở lại.
- Sau khi đã bán bớt một phần vị thế ngắn hạn, NĐT có thể giải ngân trở lại khi chỉ số kiểm định hoặc chớm phá vùng đáy ngắn hạn nhưng cần khống chế tỷ trọng ở mức vừa phải, tương ứng với mức chấp nhận rủi ro.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh - Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1352 - 1355

Kháng cự gần: 1326 - 1331

Hỗ trợ gần: 1278 - 1283

Hỗ trợ xa: 1260 - 1265

- F1 mở gap giảm điểm ngay từ đầu phiên và tiếp tục lao dốc đến cuối phiên.
- Áp lực bán gia tăng cùng với lực cầu suy yếu khiến cho chỉ số đánh mất vùng hỗ trợ quan trọng quanh 1360 (+10). Với việc đánh mất vùng đáy ngắn hạn, F1 nhiều khả năng sẽ mở rộng nhịp điều chỉnh xuống các vùng hỗ trợ sâu hơn quanh 1260-1280 nhằm tìm kiếm lực cầu bắt đáy trước khi xuất hiện nhịp hồi phục trở lại.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Ưu tiên mở vị thế SHORT tại các vùng kháng cự hoặc mở LONG khi chỉ số lùi về vùng hỗ trợ.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Tạm đứng ngoài quan sát.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

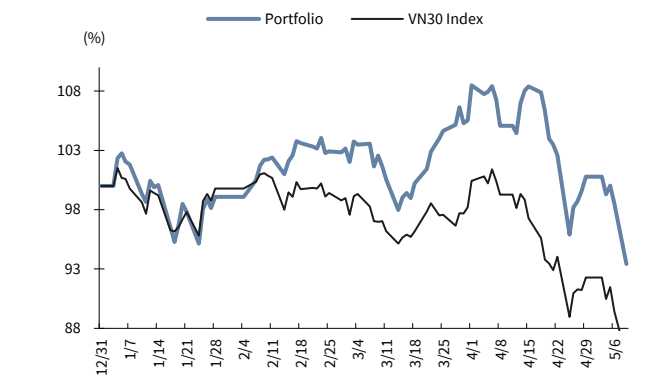
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-4.31%	-5.18%
Tăng lũy kế (YTD)	-14.43%	-6.57%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 09/05/2022	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	136,400	-7.0%	76.5%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Dam Phu My (DPM)	04/03/2022	59,300	-6.9%	-1.7%	- Giá phân bón tiếp tục duy trì ở mức cao với nguồn cung hạn chế, trong khi nhu cầu trong nước phục hồi - Tình hình tài chính lành mạnh, ROE cao nhất ngành, đòn bẩy thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	99,100	-6.9%	29.3%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Nam Tan Uyen (NTC)	11/11/2021	187,000	-0.5%	-2.6%	- Khu Công nghiệp NTC-3 được phê duyệt đóng góp tăng trưởng 2022 - Triển vọng tích cực trong dài hạn của ngành khu công nghiệp - Cấu trúc tài chính lành mạnh
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	81,000	-5.8%	138.2%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	94,000	-6.2%	222.9%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	25,150	-6.9%	33.0%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	104,900	-4.5%	42.9%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	39,950	-4.4%	176.0%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbanc City Development (KBC)	09/03/2020	40,000	-2.7%	192.0%	- Giá bán khu đô thị Trảng Dục cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VHM	-1.0%	34.5%	93.9
HPG	-4.4%	30.9%	63.8
GMD	-4.6%	12.2%	60.6
VRE	-4.7%	28.6%	50.3
DGC	-7.0%	6.7%	49.0

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
NVL	-2.9%	23.6%	-37.0
VCB	-1.9%	18.8%	-63.5
GEX	-7.0%	6.5%	5.1
SBT	-6.8%	12.6%	-3.3
STB	-6.9%	94.2%	-30.0

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
PVS	-9.1%	8.1%	16.3
DNM	-9.1%	1.3%	1.1
PVI	-9.6%	3.3%	0.6
IVS	-7.4%	0.5%	0.3
NVB	2.4%	0.1%	0.2

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
SHS	-9.6%	8.7%	-2.5
THD	-10.0%	0.1%	-1.2
TNG	-9.9%	58.1%	-0.4
NRC	3.9%	1.5%	-0.1
MST	-9.6%	23.3%	-0.1

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Thực phẩm và đồ uống	-2.7%	MSN, BBC
Bất động sản	-2.8%	VHM, FIR
Y tế	-3.6%	TRA, APC
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-4.4%	CHP, PMG
Bảo hiểm	-5.8%	PGI, MIG

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dịch vụ tài chính	-13.4%	VND, SSI
Dầu khí	-12.5%	PLX, PVD
Xây dựng và Vật Liệu	-11.3%	VGC, VCG
Bán lẻ	-10.1%	MWG, FRT
Hóa chất	-9.8%	GVR, DGC

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bảo hiểm	-1.5%	MIG, PGI
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-6.3%	VSH, CHP
Y tế	-7.5%	VDP, TRA
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-8.1%	HAH, REE
Thực phẩm và đồ uống	-8.2%	ANV, VCF

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dịch vụ tài chính	-27.8%	SSI, VND
Xây dựng và Vật Liệu	-23.5%	VCG, VGC
Dầu khí	-22.6%	PLX, PVD
Ô tô và phụ tùng	-18.8%	TCH, HHS
Hóa chất	-18.2%	GVR, DGC

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USD mn)	GTGD (VND triệu, USD mn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	175,622 (7.7)	22.5	72.6	38.9	14.7	4.4	7.3	3.0	2.7	-0.9	1.5	-3.2	-16.8
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	353,081 (15.4)	26.6	8.6	7.1	35.9	23.7	22.9	1.9	1.5	-1.0	5.4	-9.5	-17.1
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	128,243 (5.6)	17.8	26.4	17.5	-7.6	8.2	11.1	2.0	1.9	-4.7	-5.5	12.4	-6.3
	NVL	NO VA LAND INVES	45,853	86,712 (3,768)	300,670 (13.1)	31.3	26.5	17.7	6.7	15.6	18.8	3.7	3.0	-2.8	-3.9	-8.1	-13.7
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	31,182	19,167 (833)	55,466 (2.4)	11.6	19.7	15.9	13.7	13.7	14.4	2.3	2.0	-6.9	-8.7	15.7	-15.9
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	338,699 (14.8)	13.9	12.5	6.5	-	15.0	12.4	1.5	1.7	-6.9	15.1	24.3	-13.4
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	79,937	378,305 (16,441)	106,088 (4.6)	6.3	14.2	11.3	11.7	20.9	21.7	2.7	2.1	-1.9	-4.4	-6.1	-1.1
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	77,650 (3.4)	12.7	13.0	9.4	-5.3	17.2	20.2	1.8	1.5	-6.9	-6.1	17.8	-7.1
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	384,475 (16.8)	0.0	6.3	5.2	14.3	21.0	20.6	1.2	1.0	-7.0	-8.7	21.0	-22.8
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	135,859 (5.9)	1.4	6.1	5.1	50.3	20.1	20.9	1.1	0.9	-6.9	10.8	21.5	-25.8
	VPB	VIETNAM PROSPERI	22,944	101,381 (4,406)	755,595 (32.9)	0.0	9.1	7.6	18.8	16.7	17.1	1.5	1.2	-6.9	12.9	18.0	-11.2
	MBB	MILITARY COMMERC	19,407	73,327 (3,187)	353,786 (15.4)	0.0	6.4	5.2	14.6	24.1	23.4	1.3	1.1	-6.4	11.0	21.1	-9.3
	HDB	HDBANK	20,400	40,641 (1,766)	85,347 (3.7)	4.2	6.4	5.3	23.3	22.4	21.9	1.3	1.0	-4.4	-8.7	18.6	-25.4
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	324,825 (14.2)	14.0	10.3	6.1	26.5	13.9	17.8	1.2	1.0	-6.9	14.3	23.4	-24.6
	TPB	TIEN PHONG COMME	20,630	28,732 (1,249)	119,064 (5.2)	0.0	7.4	6.0	37.4	23.0	22.6	1.6	1.3	-6.0	-6.0	21.4	-23.0
EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	6,620 (0.3)	0.2	-	-	27.3	-	-	-	-	-0.7	-2.0	16.2	-12.8	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	151,657 (6.6)	21.0	19.9	17.1	15.8	10.2	11.1	1.9	1.8	-6.9	-1.0	-6.5	6.1
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	23,951 (1.0)	14.2	33.0	15.0	9.1	11.6	13.5	3.6	1.7	-6.9	-6.0	16.8	-21.6
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	21,998	19,947 (867)	355,704 (15.5)	55.4	12.0	11.3	-3.2	15.2	15.2	-	-	-6.9	19.9	37.6	-48.2
	VCI	VIET CAPITAL SEC	27,500	9,108 (396)	107,667 (4.7)	71.9	-	-	-4.0	-	-	-	-	-7.0	13.5	38.2	-52.5
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	101,816 (4.4)	52.4	-	-	-19.0	-	-	-	-	-6.9	18.4	37.1	-52.3
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	420,080 (18.3)	27.2	-	-	36.3	-	-	-	-	-6.9	17.3	28.3	-24.4
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	167,810 (7.3)	42.1	15.3	14.0	4.0	29.5	31.9	4.3	4.0	-0.3	-5.8	-9.4	-19.0
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	41,227 (1.8)	36.9	24.0	19.8	7.3	19.3	21.5	4.3	3.9	-4.4	-3.0	-2.5	6.0
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	135,124 (5.9)	16.5	31.7	22.4	-51.9	14.5	19.7	4.4	3.7	-1.8	-1.4	-7.2	-19.4
HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	67,301 (2.9)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-6.9	11.2	32.7	-47.2	
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	86,835 (3.8)	11.0	-	-	-88.5	-	-	-	-	-3.1	-3.9	10.4	-3.4
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	155,193 (6.8)	10.8	21.6	19.0	-57.0	12.2	13.7	2.5	2.3	-4.6	-0.6	-2.4	13.1
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	149,294 (6.5)	38.4	6.7	8.8	65.7	14.1	9.3	0.9	0.9	-6.8	16.9	37.3	-58.6
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	63,358 (2.8)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-7.0	-8.9	20.0	-66.7
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	443,542 (19.3)	37.7	-	-	-14.4	-	-	-	-	-7.0	-9.7	27.5	-39.2
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	70,195 (3.1)	3.6	10.6	7.8	-52.4	4.2	5.4	0.4	0.4	-6.9	14.1	42.1	-54.5
	REE	REE	59,600	18,419 (800)	78,258 (3.4)	0.0	12.7	10.5	-4.5	13.8	14.4	1.7	1.5	-5.8	2.4	-1.0	17.2

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND tỷ, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	83,211 (3.6)	46.1	17.4	16.0	-17.5	20.4	19.5	3.5	3.3	-4.5	-2.6	-4.8	9.0
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	27,377 (1.2)	31.4	10.0	8.8	-10.5	15.7	16.1	1.4	1.3	-6.7	-4.8	-	-20.3
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	2,701 (0.1)	34.1	13.5	8.9	-5.1	9.8	16.2	1.1	1.1	-4.3	-5.8	17.5	-25.6
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	32,481	145,287 (6,314)	749,623 (32.7)	18.0	6.1	5.9	21.9	29.7	23.4	1.5	1.2	-4.4	-7.3	-	-13.9
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	439,567 (19.2)	36.5	6.2	12.9	-0.5	31.6	15.2	1.8	1.7	-6.9	10.7	-7.1	18.6
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	231,978 (10.1)	46.5	7.3	10.7	-4.5	29.9	17.6	1.9	1.7	-7.0	12.4	16.2	-9.3
	HSG	HOA SEN GROUP	22,636	11,063 (481)	223,385 (9.7)	38.9	3.8	4.4	67.9	24.0	19.9	0.9	0.7	-6.9	14.6	26.3	-35.3
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	63,638 (2.8)	97.2	11.7	10.4	17.2	7.0	7.6	0.8	0.8	-6.6	11.4	31.4	-40.6
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	73,191 (3.2)	4.6	15.7	12.4	-51.0	14.1	15.9	1.6	1.6	-7.0	10.9	24.2	-21.0
	PVD	PETROVIETNAM DRI	19,500	9,854 (428)	170,622 (7.4)	39.9	22.5	10.6	-11.9	3.3	5.9	0.6	0.6	-6.8	-8.7	-	-28.0
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	79,351 (3.5)	35.9	6.7	5.8	2.2	16.5	16.4	1.0	0.8	-6.8	-7.5	24.6	-25.5
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	93,000	65,024 (2,826)	362,155 (15.8)	0.0	15.2	12.7	14.4	27.6	27.2	4.0	3.4	-7.0	-5.9	-9.1	0.4
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	129,821 (5.7)	0.0	16.6	13.5	2.4	21.6	21.8	3.1	2.5	-6.9	-6.7	13.4	3.0
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	5,489 (0.2)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	-6.7	14.5	31.6	-37.6
	FRT	FPT DIGITAL RETA	28,200	2,227 (097)	169,439 (7.4)	30.3	16.3	13.6	-75.2	30.5	28.4	4.6	3.5	-7.0	11.6	10.6	31.7
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	83,724 (3.6)	34.6	8.2	9.3	41.2	35.0	25.3	2.3	2.0	-7.0	11.3	22.1	-13.9
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	2,408 (0.1)	45.4	16.2	14.9	10.7	20.1	19.9	3.0	2.7	-3.4	-2.5	-8.3	-13.8
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	68,000	61,301 (2,664)	385,430 (16.8)	0.0	16.9	13.5	15.5	26.9	28.5	4.1	3.5	-6.2	10.9	13.4	1.1

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình
Giám đốc Khối Phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp

Dương Đức Hiếu
Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp
hieudd@kbsec.com.vn

Nguyễn Anh Tùng
Chuyên viên cao cấp – Tài chính & Công nghệ
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Hoàng Bảo Nga
Chuyên viên cao cấp – Bất động sản nhà ở
ngaphb@kbsec.com.vn

Tiêu Phan Thanh Quang
Chuyên viên phân tích – Bất động sản công nghiệp & Logistics
quangtpt@kbsec.com.vn

Lương Ngọc Tuấn Dũng
Chuyên viên phân tích – Bán lẻ & Hàng tiêu dùng
dunglnt@kbsec.com.vn

Khối Phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh
Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư
anhtd@kbsec.com.vn

Lê Hạnh Quyên
Chuyên viên phân tích – Vĩ mô & Ngân hàng
quyenlh@kbsec.com.vn

Thái Hữu Công
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap
congth@kbsec.com.vn

Trần Thị Phương Anh
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap
anhhttp@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ
Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương
Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.